

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 170/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 12 – 2024

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Vinh.

2. Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2024/QĐST-HNGĐ ngày 0 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Minh T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Phạm Công T1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Võ Thị Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Công T1 vắng mặt lần hai, không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, biên bản phiên họp, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Minh T trình bày:

Chị Võ Thị Minh T và anh Phạm Công T1 kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/10/2011 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân giữa anh chị được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Trong thời gian chị Võ Thị Minh T và anh Phạm Công T1 chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mỗi người cần có cuộc sống riêng nên chị Võ Thị Minh T yêu cầu ly hôn với anh Phạm Công T1.

Về con chung: Chị Võ Thị Minh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con tên Phạm Thị Thủy T2, sinh ngày 28/12/2010 đến khi thành niên. Chị Võ Thị Minh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị Võ Thị Minh T làm thuê tại tỉnh Bình Dương, thu nhập hàng tháng khoảng 9.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Công T1 không có ý kiến trình bày.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Căn cước công dân; Trích lục kết hôn; Trích lục khai sinh; Đơn xin vắng mặt; Bản khai ý kiến con chưa thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Minh T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phạm Công T1 cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Võ Thị Minh T vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Võ Thị Minh T là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 02 tháng 12 năm 2024 nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Công T1 là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Võ Thị Minh T và anh Phạm Công T1 do quen biết tìm hiểu và tổ chức đám cưới năm 2009. Sau đó có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp ngày 26/10/2011. Việc kết hôn giữa chị Võ Thị Minh T và anh Phạm Công T1 là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Thị Minh T xác định: Trong thời gian chị Võ Thị Minh T và anh Phạm Công T1 chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị Võ Thị Minh T và anh Phạm Công T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Minh T đối với anh Phạm Công T1 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, cháu Phạm Thị Thủy T2, sinh ngày 28/12/2010 đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T2 đến khi thành niên. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần cho cháu và tránh việc thay đổi môi trường sống cho cháu. Đồng thời, nguyện vọng của cháu T2 là được sống với chị T. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị T tiếp tục giao cháu T2 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Chị T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở anh T1 không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Thị Minh T xác định chị và anh Phạm Công T1 về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của anh Phạm Công T1, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Võ Thị Minh T phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Minh T.

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị Minh T được ly hôn với anh Phạm Công T1.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Thủy T2, sinh ngày 28/12/2010 cho chị Võ Thị Minh T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Phạm Công T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Võ Thị Minh T không yêu cầu.

Anh Phạm Công T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở.

Chị Võ Thị Minh T cùng các thành viên gia đình không cản trở anh Phạm Công T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Võ Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006882 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Võ Thị Minh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Công T1 không phải chịu án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã Tân Huê;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh